

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KHOA LUẬT

NGUYỄN TIẾN DŨNG

TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM.
TRÊN CƠ SỞ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN
TẠI ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

Chuyên ngành : Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: TS. Trần Văn Dũng

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các bảng</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN NAY	8
1.1. Khái quát quá trình phát triển của các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ 1945 đến nay	8
1.1.1. Từ năm 1945 đến trước khi ra đời Bộ luật hình sự 1985	8
1.1.2. Sự phát triển lập pháp hình sự về tội phạm này từ năm 1986 đến trước khi sửa đổi toàn diện Bộ luật hình sự vào năm 1999	11
1.1.3. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lần sửa đổi toàn diện vào năm 1999	17
1.1.4. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản lần sửa đổi, bổ sung năm 2009	19
1.2. Các dấu hiệu pháp lý của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong Bộ luật hình sự hiện hành	20
1.2.1. Khái niệm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	20
1.2.2. Dấu hiệu pháp lý của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	22
1.3. Trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	34
1.3.1. Hình phạt	34
1.3.2. Các biện pháp tư pháp	40
1.3.3. Trách nhiệm hình sự đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong những trường hợp đặc biệt	41
1.4. Phân biệt tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với một số tội phạm khác	44
1.4.1. Phân biệt với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140 Bộ luật hình sự)	44
1.4.2. Phân biệt với tội lừa dối khách hàng (Điều 162 Bộ luật hình sự)	45
1.4.3. Phân biệt với tội đánh bạc (Điều 248 Bộ luật hình sự)	46

Chương 2: TÌNH HÌNH, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH	48
2.1. Những đặc điểm của tỉnh Nam Định có ảnh hưởng đến tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản	48
2.1.1. Đặc điểm về vị trí địa lý	48
2.1.2. Đặc điểm về tình hình kinh tế, xã hội	49
2.2. Tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại tỉnh Nam Định từ năm 2008 đến năm 2012	51
2.2.1. Thực trạng tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ 2008 đến 2012	51
2.2.2. Đặc điểm của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Nam Định	55
2.3. Những nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở tỉnh Nam Định	61
2.3.1. Nguyên nhân và điều kiện kinh tế - xã hội	61
2.3.2. Nguyên nhân và điều kiện về tổ chức quản lý nhà nước, quản lý xã hội, quản lý con người	63
2.3.3. Nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật	65
2.3.4. Nguyên nhân xuất phát từ việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật	67
2.3.5. Các nguyên nhân và điều kiện khác	68
Chương 3: CÁC BIỆN PHÁP ĐẤU TRANH, PHÒNG, CHỐNG TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH	70
3.1. Các biện pháp chung	70
3.1.1. Biện pháp về kinh tế - xã hội	70
3.1.2. Các biện pháp pháp luật	74
3.1.3. Biện pháp tăng cường về cơ chế quản lý hành chính	78
3.2. Các biện pháp cụ thể	79
3.2.1. Nâng cao vai trò của nhân dân trong phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	79
3.2.2. Nâng cao hiệu quả các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ	80
3.2.3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các bảo vệ pháp luật	81
KẾT LUẬN	85
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	87

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tài sản và quyền sở hữu về tài sản là một trong những quyền quan trọng, thân thiết nhất của con người và luôn chiếm được sự quan tâm đặc biệt của các nhà lập pháp của bất kỳ quốc gia nào. Trong các hình thái xã hội khác nhau, Nhà nước đều sử dụng các biện pháp để bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của con người và hành vi xâm hại đến quyền sở hữu của con người đều bị áp dụng những hình thức trách nhiệm pháp lý nhất định như: Trách nhiệm bồi thường, trách nhiệm hoàn trả vật, tài sản trong pháp luật dân sự hay điều tra, truy tố, xét xử một người khi họ có hành vi xâm phạm quyền sở hữu ở mức độ nghiêm trọng. Thông qua việc đánh giá coi hành vi xâm phạm quyền sở hữu của con người là tội phạm và áp dụng đối với người phạm tội một hình phạt, Nhà nước luôn thể hiện thái độ đấu tranh không khoan nhượng đối với loại hành vi này.

Ở Việt Nam, ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nhà nước ta đã ban hành Hiến pháp và các đạo luật khác để ghi nhận, bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp của công dân, trong đó các quy định của pháp luật hình sự giữ vai trò quan trọng. Theo cách hiểu hiện nay "Quyền sở hữu là một hệ thống các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực chiếm hữu, sử dụng và định đoạt các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, những tài sản khác theo quy định của pháp luật". Như vậy sau quyền được sống, quyền được tự do thì quyền sở hữu có một vai trò to lớn đối với đời sống con người. Tiếp theo các văn bản pháp lý trước đó, Hiến pháp 1992 - văn bản pháp lý có giá trị pháp lý cao nhất đều ghi nhận:

Nhà nước phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh đa dạng, dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng.

Thể chế hóa quy định của Hiến pháp, Bộ luật hình sự đã giành hẳn một chương quy định các tội xâm phạm sở hữu (Chương XIV Bộ luật hình sự) gồm từ Điều 133 đến Điều 145 trong đó Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự. Trước đó, trong Bộ luật hình sự 1985, vì đề cao sở hữu tập thể, sở hữu Nhà nước nên các nhà lập pháp thời kỳ này đã tách thành hai chương riêng: Chương các tội xâm phạm tài sản sở hữu xã hội chủ nghĩa và chương các tội xâm phạm sở hữu của công dân với các đặc điểm pháp lý hành vi không có gì khác nhau, có chăng chỉ khác nhau về mức hình phạt áp dụng và một vài tình tiết định khung tăng nặng.

Hiến pháp 2013 tiếp tục khẳng định quyền sở hữu là một quyền thiêng liêng và được hiến định. Điều 32 Hiến pháp năm 2013 quy định:

1. Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác.

2. Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ.

3. Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng chống thiên tai, Nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng có bồi thường tài sản của tổ chức, cá nhân theo giá thị trường.

Cụ thể hóa nội dung và tinh thần này của Hiến pháp, các quy định của Bộ luật hình sự về bảo vệ quyền sở hữu của con người được nghiên cứu, bổ sung, trong đó có tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới.

Nghiên cứu diễn biến tình hình tội phạm trong những năm vừa qua, có thể thấy rằng nhóm các tội xâm phạm sở hữu thuộc loại tội phạm có diễn biến rất phức tạp. Tính chất phức tạp thể hiện ở hai điểm: số vụ liên tục tăng và mức độ nguy hiểm cũng ngày càng nghiêm trọng. Hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu đã gây thiệt hại nghiêm trọng tài sản của Nhà nước và tài sản của công dân, ảnh hưởng đến trật tự chung của xã hội. Trong đó tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là một trong những tội xâm phạm

sở hữu có mức độ xảy ra nhiều nhất, tội này diễn biến ngày một gia tăng, với nhiều thủ đoạn tinh vi xảo quyệt.

Qua thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm xâm phạm đến sở hữu trên địa bàn tỉnh Nam Định trong những năm vừa qua cho thấy loại tội phạm này luôn chiếm một số lượng lớn trong tổng số các tội phạm hàng năm. Có nhiều nguyên nhân để giải thích cho tình trạng nghiêm trọng của tội phạm này trên địa bàn tỉnh Nam Định, tuy nhiên việc nghiên cứu làm rõ các đặc điểm của tội phạm này trên phạm vi một địa bàn cụ thể được xác định (thông qua việc nghiên cứu đặc điểm kinh tế - xã hội, đặc điểm dân cư, tính chất địa bàn) sẽ giúp chúng ta lý giải phần nào tính đặc thù của loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh Nam Định qua đó giúp chúng ta có thể đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật và hoàn thiện các giải pháp đấu tranh phòng chống loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Là một cán bộ công tác trong ngành bảo vệ pháp luật, tác giả lựa chọn đề tài này để làm đề tài nghiên cứu cho luận văn của mình. Việc nghiên cứu tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa phương, xác định các nguyên nhân, điều kiện của loại tội phạm này để từ đó có những biện pháp phòng, chống có hiệu quả là rất cần thiết. Vì lý do đó tác giả mạnh dạn chọn đề tài "***Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong Luật hình sự Việt Nam. Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn tại địa bàn tỉnh Nam Định***" làm luận văn thạc sĩ luật học của mình.

Cũng cần nói thêm rằng, vì đặt trọng tâm nghiên cứu tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên một địa bàn cụ thể, nên tác giả không có điều kiện nghiên cứu xuyên suốt quá trình lập pháp hình sự Việt Nam về loại tội phạm này trong suốt quá trình phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam, mà chỉ cố gắng tập trung nghiên cứu quá trình phát triển pháp luật hình sự Việt Nam từ Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay.

2. Tình hình nghiên cứu

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã được đề cập trong một số công trình nghiên cứu khoa học về luật hình sự, trong các tập bình luận khoa

học về luật hình sự, các luận văn thạc sĩ, tiến sĩ của nhiều tác giả nổi tiếng như TS. Trịnh Hồng Dương, GS.TS Võ Khánh Vinh, Trần Thị Phương Hiền và gần đây là khóa luận tốt nghiệp của Lê Thị Khánh Ly... Các công trình nghiên cứu của mình, các tác giả đã nghiên cứu rất sâu sắc về các dấu hiệu pháp lý của loại tội phạm này, tuy nhiên chưa có công trình khoa học nào đề cập đến tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong mối liên hệ với một địa bàn cụ thể là tỉnh Nam Định, nhất là trong bối cảnh là một tỉnh đan xen dân cư nông thôn và thành thị. Sự đình đốn trong sản xuất công nghiệp, thất nghiệp, tình trạng di dân tự do, tình trạng yếu kém trong việc quản lý các cá nhân, tổ chức trong hoạt động tổ chức xuất khẩu lao động, trong hoạt động cho vay tín dụng... luôn là vấn đề nổi cộm và là một trong những nguyên nhân phức tạp hóa tình hình tội phạm ở tỉnh Nam Định trong thời gian vừa qua.

Trên thực tế Nam Định tuy là một tỉnh nhỏ thuộc đồng bằng bắc bộ, song cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, tình hình tội phạm lừa đảo có những diễn biến phức tạp và xu hướng ngày càng gia tăng không chỉ về số vụ mà cả về tính chất, hậu quả thiệt hại về tài sản ngày càng trầm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của tỉnh Nam Định. Bởi vậy, luận văn nghiên cứu về thực trạng và diễn biến của loại tội phạm này ở Nam Định. Trên cơ sở đó, tìm ra những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, đưa ra các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm một cách hữu hiệu nhằm giảm bớt những thiệt hại xảy ra, đem lại sự tin tưởng vào pháp luật cho mọi người dân trên địa bàn tỉnh Nam Định.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

- Mục đích của đề tài: trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự và thực trạng tình hình, nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Nam Định để đưa ra các giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm này.

- Để đạt được mục tiêu trên, trong quá trình thực hiện đề tài tác giả đặt ra cho mình các nhiệm vụ sau đây:

a) Làm sáng tỏ các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và có sự so sánh tội phạm này với một số tội phạm khác có liên quan để làm rõ thêm cách nhận biết các dấu hiệu pháp lý của tội phạm này.

b) Phân tích thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử loại tội này tại tỉnh Nam Định trong thời gian vừa qua để thấy được các yếu tố tác động làm ảnh hưởng đến tình hình tội phạm này.

c) Phân tích làm sáng tỏ tình hình, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên cơ sở gắn với đặc điểm của tỉnh Nam Định đồng thời chỉ ra những vướng mắc, hạn chế trong việc đấu tranh, phòng, chống tội phạm này tại tỉnh Nam Định.

d) Đưa ra các giải pháp đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh Nam Định và đưa ra những kiến nghị đề xuất nhằm hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự liên quan đến tội danh này.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài này là: Các dấu hiệu pháp lý của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, phân tích tình hình và diễn biến của tội phạm để rút ra những điểm thành công cũng như thiếu sót trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm này trên địa bàn tỉnh Nam Định, phân tích, nguyên nhân và điều kiện cũng như các giải pháp đấu tranh, phòng chống tội phạm này.

- Phạm vi nghiên cứu: đề tài nghiên cứu trong phạm vi những vấn đề liên quan đến tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản dưới góc độ luật hình sự trên địa bàn tỉnh Nam Định

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học luật hình sự và tội phạm học như: phương pháp thống kê hình sự, phương pháp phân tích và so sánh, phương pháp tổng hợp. Ngoài ra, còn một số

phương pháp khác cũng được áp dụng như: phương pháp phân tích hệ thống, phương pháp chuyên gia...

6. Kết quả nghiên cứu và những đóng góp mới của đề tài

Trong phạm vi của đề tài là một công trình nghiên cứu vừa có ý nghĩa về mặt lý luận, vừa có ý nghĩa về mặt thực tiễn đối với cuộc đấu tranh phòng, chống tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Về mặt lý luận: đề tài góp phần hoàn thiện nội dung quy định của Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, đồng thời có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học pháp lý hình sự.

- Về mặt thực tiễn: những đề xuất giải pháp nêu trong luận văn sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng. Ngoài ra, đề tài có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các lực lượng tham gia phòng, chống loại tội phạm này không những ở tỉnh Nam Định mà còn có thể áp dụng trên địa bàn tỉnh, thành phố khác có điều kiện tương tự.

- Đây là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách tương đối có hệ thống và toàn diện về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đồng thời đã đưa ra các giải pháp đấu tranh phòng, chống hiệu quả đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Nam Định.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong luật hình sự Việt Nam từ 1945 đến nay.

Chương 2: Tình hình, nguyên nhân, điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Chương 3: Các biện pháp đấu tranh, phòng, chống tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN NAY

1.1. Khái quát quá trình phát triển của các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ 1945 đến nay

1.1.1. Từ năm 1945 đến trước khi ra đời Bộ luật hình sự 1985

Sau thành công của Cách mạng tháng 8 năm 1945, nước ta đã ban hành những văn bản pháp luật hình sự quy định việc trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa như:

Sắc lệnh số 26-SL ngày 25/2/1946 về các tội phá hoại công sản;

Sắc lệnh số 223-SL ngày 27/11/1946 về tội biển thủ công quỹ;

Sắc lệnh số 12-SL ngày 12/3/1949 về tội trộm cắp tài sản quốc phòng trong thời chiến;

Sắc lệnh số 68-SL ngày 18/6/1949 về bảo vệ các công trình thủy nông;

Sắc lệnh 267-SL ngày 15/6/1956 về các âm mưu và hành động phá hoại tài sản của Nhà nước, của Hợp tác xã và của nhân dân làm cản trở việc chính sách, kế hoạch Nhà nước...

Tòa án nhân dân tối cao cũng đã có nhiều văn bản hướng dẫn việc vận dụng các quy phạm pháp luật vào công tác xét xử, ngày 21/10/1970 Nhà nước ta đã thông qua hai pháp lệnh mới.

- Pháp lệnh thứ nhất là: Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa do Lệnh số 149-LCT ngày 23/10/1970 của Chủ tịch nước công bố.

- Pháp lệnh thứ hai là: Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân do Lệnh số 150-LCT ngày 23/10/1970 của Chủ tịch nước công bố.

1.1.2. Sự phát triển lập pháp hình sự về tội phạm này từ năm 1986 đến trước khi sửa đổi toàn diện Bộ luật hình sự vào năm 1999

* Tiếp tục đề cao chính sách hình sự bảo vệ tốt hơn quan hệ sở hữu xã hội chủ nghĩa

* Các dấu hiệu pháp lý của tội phạm ngày càng được bổ sung hoàn thiện hơn

* Mức hình phạt áp dụng ngày càng nghiêm khắc hơn

1.1.3. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lần sửa đổi toàn diện vào năm 1999

* Tư tưởng phân biệt hai loại quan hệ sở hữu tuy đã được khắc phục nhưng những ảnh hưởng của nó vẫn còn ảnh hưởng đến một vài quy định của Bộ luật hình sự.

* Yếu tố định lượng đã được sử dụng để phân biệt giữa hành vi phạm tội và hành vi vi phạm hành chính.

* Coi đặc điểm xấu về nhân thân là dấu hiệu cấu thành tội phạm

1.1.4. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản lần sửa đổi, bổ sung năm 2009

Sau nhiều năm thi hành, Bộ luật hình sự 1999 đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh, chính trị, đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên cho đến nay, Bộ luật hình sự 1999 đã bộc lộ nhiều bất cập nên đã được sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới.

1.2. Các dấu hiệu pháp lý của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong Bộ luật hình sự hiện hành

1.2.1. Khái niệm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

"Các tội xâm phạm sở hữu là hành vi của người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân".

1.2.2 Dấu hiệu pháp lý của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1.2.2.1. Khách thể của tội phạm

Khách thể của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là quan hệ sở hữu về tài sản, đây là quan hệ xã hội chủ yếu mà hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản xâm hại.

1.2.2.2. Mặt khách quan của tội phạm

* Dấu hiệu hành vi khách quan

- *Hành vi lừa dối*: Là hành vi cố ý đưa ra thông tin không đúng sự thật nhằm để người khác tin đó là sự thật, tự nguyện trao tài sản cho người phạm tội.

- *Hành vi chiếm đoạt*: là hành vi cố ý dịch chuyển một cách trái pháp luật tài sản của người khác thành tài sản của mình. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được coi là hoàn thành khi có hậu quả xảy ra, kẻ phạm tội chiếm đoạt được tài sản. Hành vi chiếm đoạt trong tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có hai hình thức cụ thể.

* *Dấu hiệu hậu quả của tội phạm*: Hậu quả của tội phạm là thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra cho quan hệ xã hội là khách thể bảo vệ của luật hình sự.

* *Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả của tội phạm*

Việc định tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản không chỉ xác định hậu quả là giá trị tài sản bị chiếm đoạt mà còn đòi hỏi làm rõ mối quan hệ nhân quả giữa hành vi lừa đảo với hậu quả đó.

1.2.2.3. Chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội phạm là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi luật định và đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể.

1.2.2.4. Mặt chủ quan của tội phạm

"Tội phạm là một thể thống nhất giữa mặt khách quan và mặt chủ quan. Nếu mặt khách quan là biểu hiện bên ngoài của tội phạm thì mặt chủ quan là hoạt động tâm lý bên trong của tội phạm, bao gồm: lỗi, động cơ và mục đích phạm tội".

* *Dấu hiệu lỗi*

Điều 139 Bộ luật hình sự quy định về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng không nêu dấu hiệu lỗi của người phạm tội. Tuy nhiên xét theo bản chất và tính chất của hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì về mặt chủ quan của tội phạm được thể hiện do lỗi cố ý trực tiếp với mục đích chiếm đoạt tài sản.

* *Dấu hiệu động cơ, mục đích phạm tội*

Mục đích phạm tội là kết quả trong ý thức chủ quan mà người phạm tội đặt ra phải đạt được khi thực hiện hành vi phạm tội. Mục đích của người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là mong muốn chiếm đoạt được tài sản.

Động cơ phạm tội được hiểu là động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội. Người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có thể có nhiều động cơ khác nhau khi thực hiện hành vi phạm tội, có thể để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng cá nhân, do tham lam... và đó là động cơ tư lợi.

1.3. Trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1.3.1. Hình phạt

- *Khung cơ bản*: Đây là tội ít nghiêm trọng, được quy định ở khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự về chế tài lựa chọn giữa hình phạt cải tạo không giam giữ và hình phạt tù. Người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có thể bị áp dụng hình phạt "*cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*".

- *Khung tăng nặng thứ nhất*: Được quy định ở khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự, quy định chế tài lựa chọn từ hai đến bảy năm tù.

- *Khung tăng nặng thứ hai*: Được quy định ở khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự, quy định chế tài lựa chọn từ bảy năm đến mười năm tù.

- *Khung tăng nặng thứ ba*: Được quy định ở khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự, quy định chế tài lựa chọn từ mười hai năm đến hai mươi năm tù hoặc tù chung thân.

1.3.1.2. Hình phạt bổ sung

Theo quy định tại khoản 5 điều 139 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính, người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung "phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một đến năm năm" (Khoản 5 Điều 139).

1.3.2. Các biện pháp tư pháp

Các biện pháp tư pháp là các biện pháp hình sự được Bộ luật hình sự quy định, do các cơ quan tư pháp áp dụng đối với người có hành vi nguy hiểm cho xã hội, có tác dụng hỗ trợ hoặc thay thế hình phạt.

1.3.3. Trách nhiệm hình sự đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong những trường hợp đặc biệt

1.3.3.1. Chuẩn bị phạm tội

"Người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện" (Điều 17 Bộ luật hình sự).

1.3.3.2. Phạm tội chưa đạt

"Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội" (Điều 18 Bộ luật hình sự).

1.3.3.3. Đồng phạm

"Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện tội phạm" (Khoản 1, Điều 20 Bộ luật hình sự).

1.4. Phân biệt tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với một số tội phạm khác

1.4.1. Phân biệt với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140 Bộ luật hình sự)

Ở hai tội này về cơ bản là có các yếu tố khách thể, mặt chủ quan, chủ thể của tội phạm là giống nhau, chỉ khác nhau ở mặt khách quan. Do vậy chỉ cần phân biệt ở mặt khách quan mà chủ yếu là thông qua hình thức hợp đồng mà có sự gian dối.

1.4.2. Phân biệt với tội lừa dối khách hàng (Điều 162 Bộ luật hình sự)

Có thể nói, về bản chất của tội lừa dối khách hàng là lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tội lừa dối khách hàng vẫn tồn tại trong Bộ luật hình sự hiện hành là biểu hiện của sự rơi rớt của tư tưởng và quan điểm lập pháp trong thời kỳ duy trì nền kinh tế kế hoạch hóa, khi mà chế độ tem phiếu, phân phối hàng hóa chỉ được thực hiện thông qua hệ thống các cửa hàng thương nghiệp hoặc cửa hàng thực phẩm của Nhà nước.

1.4.3. Phân biệt với tội đánh bạc (Điều 248 Bộ luật hình sự)

Trên thực tế có những quan điểm khác nhau trong trường hợp có hành vi gian dối trong đánh bạc thì xử về tội gì? Lừa đảo chiếm đoạt tài sản hay đánh bạc?

Chương 2

TÌNH HÌNH, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

2.1. Những đặc điểm của tỉnh Nam Định có ảnh hưởng đến tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản

2.1.1. Đặc điểm về vị trí địa lý

Nam Định nằm ở phía Nam vùng châu thổ sông Hồng, phía Bắc giáp tỉnh Hà Nam, phía Đông giáp tỉnh Thái Bình, phía Đông Nam và Nam giáp với biển Đông và phía Tây giáp tỉnh Ninh Bình. Tỉnh có 9 huyện và 1 thành phố loại I trực thuộc tỉnh, 230 xã, phường, thị trấn, thành phố Nam Định là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hoá của tỉnh.

Nam Định là địa phương có vị trí thuận lợi (trọng điểm, cửa ngõ của châu thổ Bắc Kỳ), điều kiện tự nhiên đa dạng phong phú, dân cư đông đúc... Đó là những điều kiện thuận lợi, tiền đề quan trọng đóng góp vào sự phát triển của địa phương. Bên cạnh ưu thế, sự tập trung dân cư đông, tăng dân số quá nhanh cũng tạo ra những khó khăn về mặt kinh tế, xã hội. Đồng thời làm gia tăng về tội phạm, trong đó có tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2.1.2. Đặc điểm về tình hình kinh tế, xã hội

Theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm, dân số Nam Định là 1.888.409 người, là một trong sáu tỉnh có dân số đông nhất trong cả nước, đứng sau Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Nội. Mật độ dân cư tập trung đông nhất là thành phố Nam Định: 5.350 người/km² và thấp nhất là huyện Nghĩa Hưng: 787 người/km². Quá trình tập trung và gia tăng dân số ở đô thị cũng là điều dễ hiểu và tất yếu của sự đô thị hóa.

Mấy năm vừa qua do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, khủng hoảng kinh tế dẫn đến việc phá sản của hàng loạt các công ty, doanh nghiệp. Trong 6 tháng đầu năm 2013 có 155 doanh nghiệp thành lập mới, với tổng số vốn đăng ký 560,39 tỷ đồng, đồng thời có 247 doanh nghiệp ngừng hoạt động, bỏ địa chỉ kinh doanh, giải thể. Trong khi đó, cùng kỳ năm 2012 có 202 doanh nghiệp thành lập mới và có 302 doanh nghiệp ngừng hoạt động, bỏ địa chỉ kinh doanh, giải thể, nên dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp cao.

Tính đến tháng 10 năm 2012 cả nước có khoảng 53,1% số lao động không có việc làm, trong độ tuổi từ 15 tuổi đến 24 tuổi chiếm khoảng 47% tổng số người thất nghiệp, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị cao hơn ở nông thôn 3,3% so với 1,4% trong ba quý đầu năm 2012. Trên cả nước Thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu về tỷ lệ thất nghiệp chiếm 3,9%, Đồng bằng sông cửu long và Hà Nội chiếm 0,8%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp nữ cao hơn nam, cụ thể: 2,5% phụ nữ không có việc làm, nam giới là 1,7%.

"Trong khi đó tỷ lệ thất nghiệp tại Nam Định tính đến tháng 6 năm 2013 là 35%. Cũng giống với tình trạng thất nghiệp chung trong cả nước thì số lao động thất nghiệp ở thành phố cao hơn ở nông thôn, chiếm 5% và chủ yếu tập trung chủ yếu ở độ tuổi từ 18 đến 25 chiếm 23,8%".

Các đặc điểm về vị trí địa lý và tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Nam Định có ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua.

2.2. Tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại tỉnh Nam Định từ năm 2008 đến năm 2012

2.2.1. Thực trạng tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ 2008 đến 2012.

** Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản luôn chiếm một tỷ lệ đáng kể trên tổng số tội phạm*

Theo số liệu thống kê của Công an tỉnh Nam Định, từ năm 2008 đến năm 2012, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 7698 vụ phạm tội, trong đó Công an tỉnh Nam Định đã điều tra được 6911 vụ, đạt 89,7%. Cũng trong khoảng thời gian này, trên địa bàn tỉnh Nam Định đã xảy ra 421 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong đó công an Nam Định đã điều tra khám phá

được 356 vụ, bắt giữ 465 đối tượng đạt 86,6%. Trong đó, tỷ lệ tội phạm lừa đảo luôn dao động ở mức 4,2% đến 6,9%.

** Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có diễn biến không đều, nhưng luôn có xu hướng gia tăng*

Theo thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, số vụ phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà Tòa án nhân dân tỉnh xét xử hàng năm so với tổng số vụ phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà cơ quan Công an và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết là khá cao.

** Hình phạt áp dụng đối với người phạm tội khá nghiêm khắc, chủ yếu là hình phạt tù có thời hạn.*

Việc áp dụng hình phạt cho các bị cáo phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định phổ biến là ở mức khung hình phạt theo Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự (từ 6 tháng đến 3 năm tù). Cụ thể theo bảng 2.3 thì hình phạt tù từ 3 năm trở xuống là 256 bị cáo chiếm tỷ lệ 54%, cho hưởng án treo (phạt tù không quá 3 năm) 102 bị cáo chiếm tỷ lệ 21,7%. Trong khi đó mức phạt cao nhất là tù chung thân chỉ được áp dụng với 6 bị cáo chiếm tỷ lệ 1,28%, tổng hợp hình phạt tù trên 20 năm đến 30 năm là 2 bị cáo chiếm tỷ lệ 0,42%.

2.2.2. Đặc điểm của tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Nam Định

2.2.2.1. Thủ đoạn phạm tội

Trong những năm gần đây, hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Nam Định có biểu hiện đa dạng, thủ đoạn ngày càng tinh vi. Người phạm tội lợi dụng triệt để những sơ hở của chính sách pháp luật, chính sách quản lý kinh tế, nhằm vào tâm lý và nhu cầu của người bị hại, lợi dụng sự tha hóa về đạo đức của một số cán bộ cơ quan nhà nước, để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Một số thủ đoạn mà kẻ phạm tội lừa đảo chiếm đoạt thường sử dụng trong thời gian gần đây là:

** Thông qua hình thức lấy danh nghĩa các công ty "ma" hoặc thành lập các công ty trách nhiệm hữu hạn để vay tiền ở các ngân hàng, hoặc vay tiền của cá nhân rồi chiếm đoạt luôn.*

* Hình thức lừa đảo chiếm đoạt thuế giá trị gia tăng thông qua việc lập hồ sơ không chiếm đoạt thuế giá trị gia tăng.

* Một hình thức cũng rất phổ biến trong thời gian vừa qua và cũng được đưa tin nhiều từ các phương tiện thông tin đại chúng đó là hình thức lừa đảo đưa ra lãi suất cao hơn với lãi suất của Ngân hàng để thu hút vốn nhàn rỗi của nhân dân và trả lãi suất ngay sau khi nhận tiền. Sau khi thu được một số vốn lớn thì chủ vay cao chạy xa bay.

* Thông qua hình thức môi giới lao động như hứa hoặc cam kết xin việc cho người xin việc vào các cơ quan doanh nghiệp, hoặc thông qua hình thức tuyển dụng xuất khẩu lao động đi nước ngoài để thu tiền rồi chiếm đoạt số tiền đó.

* Kẻ phạm tội lợi dụng mối quan hệ quen biết, họ hàng, bạn bè tạo niềm tin, mượn tài sản để sử dụng, hẹn chủ tài sản sau khi xong việc sẽ trả lại, xong không trả và bán hoặc cầm cố tài sản lấy tiền ăn tiêu.

* Thông qua hình thức hành nghề mê tín dị đoan như bói toán, cúng ma, lợi dụng sự mê tín của người khác để đặt ra các yêu sách về vật chất, qua đó chiếm đoạt tài sản.

* Thông qua hình thức đánh bạc, đồ đen lừa đảo khác.

* Trong giai đoạn hiện nay do áp dụng một số thành tựu khoa học tiên tiến của công nghệ thông tin và những ngành khoa học hiện đại khác đã được ứng dụng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

2.2.2.2. Nhân thân người phạm tội

Phân tích đặc điểm nhân thân người phạm tội qua các vụ án xét xử từ năm 2008 đến năm 2012 trên địa bàn tỉnh Nam Định, cho thấy số bị cáo tái phạm nguy hiểm và tái phạm chiếm tỷ lệ khoảng 7% trong tổng số bị cáo đưa ra xét xử.

Về giới tính, bị cáo nữ chiếm tỷ lệ khoảng 8.5%. Đặc biệt số bị cáo là người nghiện ma túy cũng chiếm tỷ lệ là 9%. Trong đó có 2 trường hợp là cán bộ công chức, 2 trường hợp là đảng viên.

2.2.2.3. Địa bàn hoạt động

Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở tỉnh Nam Định diễn ra trên hầu khắp các địa phương, các huyện trong tỉnh, không kể thành thị hay nông

thôn, và ở mỗi nơi người phạm tội lại lợi dụng những đặc điểm riêng của từng vùng để phạm tội. Tuy nhiên qua thực tế xét xử cho thấy các vụ án lớn, có tính chất nghiêm trọng thường diễn ra ở thành phố Nam Định, các huyện có điều kiện kinh tế phát triển hơn và các huyện có khu du lịch như: Huyện Hải Hậu, huyện Giao Thủy...

2.3. Những nguyên nhân và điều kiện của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở tỉnh Nam Định

2.3.1. Nguyên nhân và điều kiện kinh tế - xã hội

Nguyên nhân về kinh tế xã hội là nguyên nhân khách quan có ý nghĩa cơ bản. Các nguyên nhân này tác động toàn diện vào nhiều lĩnh vực, nhiều mặt của đời sống xã hội, chúng kết hợp với các nguyên nhân khác để hỗ trợ, thúc đẩy sự gia tăng của tội phạm nói chung và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng.

2.3.2. Nguyên nhân và điều kiện về tổ chức quản lý nhà nước, quản lý xã hội, quản lý con người

Quản lý nhà nước, quản lý xã hội và quản lý con người cần được coi là một khoa học, sự sai sót trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội không những tự nó gây thiệt hại cho xã hội mà còn để cho các phần tử xấu lợi dụng để chống đối nhà nước, chống đối xã hội, mưu cầu lợi ích riêng và cũng là nguyên nhân đưa tình hình tội phạm lên mức cao và nguy hiểm hơn.

2.3.3. Nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật

Trong quá trình tiến hành tố tụng, chủ thể tiến hành tố tụng đã có lúc thiếu trách nhiệm, chủ quan, sai lầm trong việc điều tra, truy tố, xét xử. Nguyên nhân do trình độ, năng lực nhận thức của cán bộ các cơ quan tư pháp về pháp luật, nhất là những tội phạm có mặt khách quan tương đối giống nhau như tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản hoặc do chủ quan, duy ý chí, lợi ích vật chất dẫn đến việc áp dụng pháp luật hình sự không đúng quy định, chủ trương, chính sách.

2.3.4. Nguyên nhân xuất phát từ việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật

Có thể nói, công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật có ý nghĩa rất lớn trong việc phòng chống tội phạm nói chung và tội lừa đảo chiếm đoạt

tài sản nói riêng. Những hạn chế trong việc tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp đến việc vi phạm pháp luật của một số người. Con người luôn có nhu cầu, nhưng đồng thời cũng có ý thức về nhu cầu và cách thức để thỏa mãn nhu cầu.

2.3.5. Các nguyên nhân và điều kiện khác

Ngoài những nguyên nhân nêu trên thì nguyên nhân từ chính những người phạm tội dưới sự tác động của môi trường gia đình, nhà trường và xã hội cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc phạm tội. Trên thực tế, đa số người phạm tội đều có trình độ học vấn thấp, thiếu sự giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội. Đây cũng là một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn tới việc phạm tội nói chung và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng.

Chương 3

CÁC BIỆN PHÁP ĐẤU TRANH, PHÒNG, CHỐNG TỘI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

3.1. Các biện pháp chung

3.1.1. Biện pháp về kinh tế - xã hội

Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hiện tượng xã hội tiêu cực, hình thành và tồn tại trên cơ sở và chịu ảnh hưởng của các hiện tượng xã hội khác. Nguyên nhân và điều kiện hình thành, phát triển trước hết là bắt nguồn từ chính những vấn đề kinh tế - xã hội.

** Đối với người trong độ tuổi lao động*

Nam Định cần quan tâm đúng mức đến một lực lượng học sinh, sinh viên ra trường ngày càng đông không có việc làm và kinh nghiệm cuộc sống. Để tạo được nhiều việc làm, Nam Định cần có chính sách khuyến khích đầu tư, tạo điều kiện, môi trường kinh doanh lành mạnh cho các loại hình kinh tế phát triển.

** Đối với doanh nghiệp, đơn vị, cơ sở sản xuất*

Nam Định đã và đang thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư, nhất là đầu tư nước ngoài. Để thu hút đầu tư, Nam Định cần thực hiện cải

cách thủ tục hành chính triệt để hơn, đi vào thực chất, không phô trương hình thức, giảm bớt sách nhiễu phiền hà để tạo điều kiện cho các tổ chức, tập đoàn kinh tế.

** Trong hoạt động quản lý kinh tế*

Cần tập trung thực hiện các biện pháp quản lý kinh tế có hiệu quả, hạn chế thấp nhất những tiêu cực, để phát sinh tội phạm, nhất là các lĩnh vực đầu tư xây dựng, và đặc biệt là hiệu quả của công tác chống tham nhũng.

** Công tác quản lý các đối tượng có nguy cơ cao*

Để làm tốt công tác phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cần tập trung giải quyết vấn đề việc làm, tái hòa nhập cộng đồng đối với người nghiện ma túy sau khi cai nghiện, người chấp hành xong hình phạt tù và những người nhiễm HIV. Có sự quan tâm, vận động cộng đồng tạo điều kiện về việc làm, tăng thu nhập cho những người có hoàn cảnh khó khăn trên tinh thần tương thân tương ái đối với những người nghèo, người có tiền án, tiền sự... để chủ động ngăn chặn tội phạm.

3.1.2. Các biện pháp pháp luật

3.1.2.1. Rà soát, hoàn thiện pháp luật nhất là các quy định của Bộ luật hình sự

Qua nghiên cứu, tác giả thấy rằng, là một loại tội có tính truyền thống nên các dấu hiệu pháp lý của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản ít thay đổi. Tuy vậy, trong nền kinh tế thị trường hiện nay, mặc dù bản chất pháp lý của hành vi không thay đổi, vẫn là dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản nhưng các hình thức và thủ đoạn đã có sự thay đổi cần phải có sự nghiên cứu điều chỉnh lại các dấu hiệu pháp lý để đáp ứng với tình hình tội phạm mới. Cụ thể:

** Phân biệt rõ hơn trong Bộ luật hình sự giữa hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*

Là người trực tiếp làm công tác xét xử án hình sự trên địa bàn tỉnh Nam Định, tác giả thấy rằng có không ít trường hợp đã không thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Như đã phân tích ở tiểu mục 1.4.1 thì để phân biệt hai tội này thì chỉ

có thể dựa vào mặt khách quan của tội phạm, phải xác định được mục đích chiếm đoạt tài sản có trước hay sau khi giao kết hợp đồng.

** Cần có sự giải thích trong các văn bản pháp luật ranh giới giữa tội lừa đảo với các tội phạm khác mà người phạm tội sử dụng thủ đoạn gian dối để phạm tội*

Vì trong thực tiễn xét xử còn nhiều trường hợp cũng có hành vi là thủ đoạn gian dối, cũng có hành vi chiếm đoạt, nhưng những hành vi này đã được Bộ luật hình sự quy định thành tội phạm độc lập thì cũng không bị truy cứu về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà bị truy cứu về tội phạm tương ứng như hành vi gian dối trong cân, đo, đong, đếm, tính gian, đánh tráo loại hàng...

** Hoàn thiện các dấu hiệu pháp lý của tội lừa đảo trong điều kiện hội nhập quốc tế và trong thời kỳ bùng nổ kỹ thuật số*

Trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang trở thành xu hướng chủ đạo và trong thời kỳ bùng nổ kỹ thuật số, tính chất pháp lý truyền thống của tội lừa đảo (lừa dối) để chiếm đoạt trực tiếp tài sản đã có sự thay đổi.

3.1.2.2. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật cho người dân

Công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật là rất quan trọng vì qua nghiên cứu các nguyên nhân và điều kiện phạm tội từ phía con người thì cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền cho người dân hiểu về pháp luật, có ý thức tôn trọng pháp luật đồng thời nâng cao ý thức đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng.

3.1.3. Biện pháp tăng cường về cơ chế quản lý hành chính

Tội phạm là hành vi nguy hiểm hoặc đe dọa gây nguy hiểm cho xã hội. Nó không chỉ ảnh hưởng đến bản thân cá nhân, tổ chức bị thiệt hại mà còn gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội. Để nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Nam Định đã không ngừng củng cố, nâng cao hiệu quả quản lý đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

3.2. Các biện pháp cụ thể

3.2.1. Nâng cao vai trò của nhân dân trong phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Muốn nhân dân tích cực tham gia phòng ngừa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trước hết phải tạo ra ý thức tự giác, chủ động phòng ngừa, mỗi một công dân, mỗi gia đình, mỗi cụm dân cư, tổ dân phố tự nâng cao ý thức cảnh giác trước hoạt động của bọn tội phạm.

Lực lượng Công an cần phải phát động thường xuyên phong trào nhân dân phát hiện và tố giác tội phạm, để nhân dân có ý thức trách nhiệm trước cộng đồng, và làm cho bọn tội phạm cảm thấy bị giám sát và sẽ bị phát hiện các vi phạm pháp luật nếu chúng hoạt động phạm tội.

3.2.2. Nâng cao hiệu quả các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ

Áp dụng tốt thành quả khoa học kỹ thuật trong công tác phòng ngừa, đấu tranh đối với tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan Công an cần nâng cao chất lượng tiếp nhận thông tin từ đường dây nóng để mọi người dân có thể cung cấp thông tin khi có tội phạm xảy ra. Đồng thời phải có nhiều hình thức mới để thu nhận thông tin của nhân dân. Nghiên cứu triển khai trung tâm tiếp nhận xử lý tin có thể kết nối rộng và xử lý nhanh khi có tội phạm xảy ra.

3.2.3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các bảo vệ pháp luật

- Nâng cao vai trò của Công an

Lực lượng Công an luôn là nòng cốt trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Trong những năm qua lực lượng công an đã điều tra khám phá và truy bắt được nhiều đối tượng phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thu hồi được nhiều tài sản trả lại cho tập thể và cá nhân, tạo được lòng tin trong nhân dân. Tuy nhiên để đấu tranh phòng chống có hiệu quả loại tội phạm này trong tình hình mới thì lực lượng công an phải nâng cao vai trò trách nhiệm nhiều hơn nữa

- Nâng cao vai trò của Viện kiểm sát

Viện kiểm sát với chức năng là cơ quan kiểm sát hoạt động tư pháp và thực hành quyền công tố. Nhưng lâu nay Viện kiểm sát ít coi trọng

công tác phòng, chống mà coi đó là nhiệm vụ của ngành Công an. Vì vậy, hoạt động của kiểm sát viên chỉ là kiểm tra cán bộ điều tra đã làm đúng pháp luật tố tụng chưa. Với chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát phải kịp thời phát hiện những sơ hở của pháp luật hoặc trong việc thực hiện pháp luật của các cơ quan tư pháp

- Nâng cao vai trò của Tòa án nhân dân

Trong thời gian qua công tác xét xử của Tòa án còn nhiều hạn chế. Tòa án ít chú ý đến yêu cầu phòng, chống tội phạm nói chung và Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng. Do đó, thời gian tới Tòa án cần chú ý hơn đến vấn đề này. Thông qua hoạt động xét xử các vụ án hình sự, các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Tòa án các cấp kịp thời phát hiện sớm những sơ hở mất cảnh giác của nhân dân và sơ hở trong công tác quản lý nhà nước, cũng như phương thức thủ đoạn mới của tội phạm.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Nam Định, bước đầu luận văn đã cố gắng làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn để từ đó tìm ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng và chống loại tội này trên địa bàn nghiên cứu. Từ đó đi tới một số kết luận sau:

Tình hình tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Nam Định có xu hướng gia tăng và diễn ra phức tạp. Tuy chiếm tỷ lệ không lớn trong tổng số tội phạm nhưng nó gây ra hậu quả đáng kể cho xã hội. Bọn tội phạm hoạt động với thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin sai sự thật, có thể bằng lời nói, bài viết, hành động khiến cho người có tài sản hoặc người có trách nhiệm trông giữ tài sản vì tin nhầm, tưởng giả là thật, tưởng kẻ gian là người ngay, tự nguyện giao tài sản cho người phạm tội. Hậu quả gây ra cho xã hội ngày càng nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn về tài sản cho Nhà nước, tập thể và các nhân, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân, tác động tiêu cực tới trật tự an toàn xã hội ở tỉnh

Nam Định. Từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế và ổn định chính trị của tỉnh.

Qua quá trình nghiên cứu về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong những năm vừa qua cho thấy hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản được bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân và điều kiện khác nhau. Trong đó có nguyên nhân về chính sách pháp luật, quản lý nhà nước, tuyên truyền phổ biến pháp luật và nguyên nhân từ chính người dân do tham lam mất cảnh giác, từ đó tạo ra những sơ hở mà bọn phạm tội lợi dụng để phạm tội.

Phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản có ý nghĩa to lớn trong việc bảo đảm tài sản của Nhà nước, tài sản của tập thể và tài sản của cá nhân. Chính vì vậy trong nội dung của luận văn, tác giả đã phân tích khái niệm, các dấu hiệu pháp lý của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đánh giá thực trạng tình hình tội phạm này trong 5 năm từ năm 2008 đến năm 2012 tại tỉnh Nam Định, phân tích các nguyên nhân và điều kiện phạm tội, đồng thời đề xuất một số biện pháp đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng.

Đấu tranh phòng chống tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản phải tiến hành đồng bộ các biện pháp, giải pháp, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, chất lượng giáo dục trong trường học cả về trình độ văn hoá, pháp luật, đạo đức lối sống cho lớp trẻ. Tăng cường hơn nữa hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự, bịt kín mọi sơ hở mà kẻ phạm tội lợi dụng. Phát huy vai trò của nhân dân chủ động phòng ngừa tội phạm. Nâng cao chất lượng nghiệp vụ các ngành nội chính. Tuy nhiên, những vấn đề của đề tài đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu nhằm hoàn thiện cả về lý luận và thực tiễn nhằm phục vụ tốt cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và nhất là áp dụng trong thực tế xét xử.